TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

BẬC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

# KẾT QUẢ XÉT THEO ĐIỀU KIỆN VÀ HÌNH THỨC ĐƯỢC THỰC HIỆN BÀI THI TỐT NGHIỆP CUỐI KHÓA TRONG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023

## Khoa Quản trị Kinh doanh

| STT | MSSV | Họ và tên | | Lớp | Điểm trung bình | Tích lũy (Đạt) | | Chưa tích lũy (Không đạt) | | | | Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số tín chỉ | Số môn học | Số tín chỉ | Số môn học | | | Kết quả | Hình thức | | | | |
| | | | | | | | | | Môn chung | Môn đồ án | Tổng | | Đồ án / Khóa luận | Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Thay thế BTTN 1 | Thay thế BTTN 2 | Thay thế BTTN 3 | |
| (01) | (02) | (03) | | (04) | (05) | (06) | (07) | (08) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Khóa 2017** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71701259 | Dương Mạnh | Cường | D17_KD01 | 4.38 | 91 | 34 | 36 | 14 | | 14 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 2 | DH71703781 | Nguyễn Trần Bảo | Ngân | D17_KD01 | 5.96 | 127 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 3 | DH71700346 | Vũ Văn | Dương | D17_KD02 | 5.29 | 103 | 39 | 26 | 10 | | 10 | Không đạt | | X | X | X | |
| 4 | DH71700360 | Trương Kính | Khôn | D17_KD02 | 5.65 | 124 | 47 | 5 | 2 | | 2 | Đạt | | X | X | X | |
| 5 | DH71704180 | Phan Văn Chiến | Thắng | D17_KD02 | 5.82 | 107 | 41 | 19 | 7 | | 7 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 6 | DH71701417 | Nguyễn Công | Tín | D17_KD02 | 5.27 | 109 | 41 | 18 | 7 | | 7 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 7 | DH71700164 | Dương Trung | Nghĩa | D17_KD03 | 5.31 | 111 | 42 | 17 | 7 | | 7 | Không đạt | | X | X | X | |
| **Khóa 2018** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71801472 | Trần Thái | Bảo | D18_KD01 | 4.50 | 81 | 32 | 46 | 16 | | 16 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 2 | DH71800902 | Huỳnh Thị Hồng | Diệu | D18_KD01 | 4.94 | 92 | 35 | 34 | 13 | | 13 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 3 | DH71801521 | La Vĩ | Huê | D18_KD01 | 5.57 | 89 | 34 | 38 | 14 | | 14 | Không đạt | | X | X | X | |
| 4 | DH71801506 | Dương Bảo | Khang | D18_KD01 | 4.66 | 87 | 32 | 40 | 16 | | 16 | Không đạt | | X | X | X | |
| 5 | DH71802723 | Võ Thị Huỳnh | Nhi | D18_KD01 | 5.07 | 97 | 36 | 32 | 13 | | 13 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 6 | DH71801703 | Nguyễn Ngọc | Thuật | D18_KD01 | 5.74 | 122 | 46 | 5 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 7 | DH71800081 | Võ Ngọc | Trân | D18_KD01 | 5.42 | 118 | 46 | 12 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 8 | DH71800301 | Trần Anh | Tuấn | D18_KD01 | 5.35 | 97 | 36 | 32 | 13 | | 13 | Không đạt | | X | X | X | |
| 9 | DH71800364 | Trần Thanh | Bình | D18_KD02 | 5.37 | 100 | 38 | 27 | 10 | | 10 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 10 | DH71800721 | Nguyễn Thị Vân | Cầm | D18_KD02 | 5.63 | 113 | 43 | 16 | 6 | | 6 | Đăng ký lại | | | | X | |

| STT | MSSV | Họ và tên | | Lớp | Điểm trung bình | Tích lũy (Đạt) | | Chưa tích lũy (Không đạt) | | | | Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số tín chỉ | Số môn học | Số tín chỉ | Số môn học | | | Kết quả | Hình thức | | | | |
| | | | | | | | | | Môn chung | Môn đồ án | Tổng | | Đồ án / Khóa luận | Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Thay thế BTTN 1 | Thay thế BTTN 2 | Thay thế BTTN 3 | |
| (01) | (02) | (03) | | (04) | (05) | (06) | (07) | (08) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 11 | DH71803067 | Trần Tứ | Đăng | D18_KD02 | 5.88 | 124 | 47 | 3 | 1 | | 1 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 12 | DH71800329 | Phạm Thị Thanh | Huyền | D18_KD02 | 5.82 | 127 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 13 | DH71800989 | Cao Thái | Quý | D18_KD02 | 4.95 | 92 | 34 | 35 | 14 | | 14 | Không đạt | | X | X | X | |
| 14 | DH71803244 | Nguyễn Minh | Sơn | D18_KD02 | 5.04 | 99 | 39 | 28 | 9 | | 9 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 15 | DH71800520 | Diệp Sương | Sương | D18_KD02 | 5.47 | 105 | 39 | 22 | 9 | | 9 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 16 | DH71801678 | Bùi Thị Thùy | Trang | D18_KD02 | 5.43 | 118 | 44 | 9 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 17 | DH71803106 | Lê Diệp Thanh | Tùng | D18_KD02 | 6.36 | 127 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 18 | DH71804558 | Nguyễn Việt | Hà | D18_KD03 | 5.55 | 99 | 37 | 28 | 11 | | 11 | Không đạt | | X | X | X | |
| 19 | DH71805139 | Đỗ Võ Thanh | Ngân | D18_KD03 | 6.73 | 127 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| **Chuyên ngành Quản trị Marketing** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Khóa 2017** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71700311 | Lâm Đặng Hồng | Ân | D17_MAR01 | 5.72 | 120 | 45 | 8 | 3 | | 3 | Đăng ký lại | | | X | X | |
| 2 | DH71701359 | Huỳnh Phú | Cường | D17_MAR01 | 4.89 | 88 | 33 | 40 | 15 | | 15 | Không đạt | | X | X | X | |
| 3 | DH71704878 | Hoàng Nguyễn Hồng | Hạnh | D17_MAR01 | 5.90 | 96 | 35 | 32 | 13 | | 13 | Không đạt | | X | X | X | |
| 4 | DH71700291 | Hoàng | Hùng | D17_MAR01 | 5.52 | 112 | 42 | 16 | 6 | | 6 | Không đạt | | X | X | X | |
| 5 | DH71700007 | Lê Nhật | Huy | D17_MAR01 | 3.27 | 34 | 14 | 93 | 34 | | 34 | Không đạt | | X | X | X | |
| 6 | DH71700205 | Trương Hoàng | Khả | D17_MAR01 | 5.26 | 94 | 35 | 35 | 14 | | 14 | Không đạt | | X | X | X | |
| 7 | DH71700013 | Trần Thị ánh | Linh | D17_MAR01 | 5.23 | 97 | 36 | 31 | 12 | | 12 | Không đạt | | X | X | X | |
| 8 | DH71700641 | Nguyễn Thị Ngân | Hà | D17_MAR02 | 3.50 | 41 | 15 | 87 | 33 | | 33 | Không đạt | | X | X | X | |
| 9 | DH71701451 | Lâm Thanh | Hiền | D17_MAR02 | 5.22 | 116 | 44 | 12 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 10 | DH71700677 | Nguyễn Đăng | Khoa | D17_MAR02 | 5.65 | 113 | 43 | 15 | 5 | | 5 | Không đạt | | X | X | X | |
| 11 | DH71701026 | Huỳnh Lê Huy | Nam | D17_MAR02 | 5.47 | 125 | 47 | 3 | 1 | | 1 | Đăng ký lại | | | X | X | |
| 12 | DH71702394 | Nguyễn Tuấn | Vỹ | D17_MAR02 | 5.06 | 102 | 38 | 26 | 10 | | 10 | Không đạt | | X | X | X | |

| STT | MSSV | Họ và tên | | Lớp | Điểm trung bình | Tích lũy (Đạt) | | Chưa tích lũy (Không đạt) | | | | Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số tín chỉ | Số môn học | Số tín chỉ | Số môn học | | | Kết quả | Hình thức | | | | |
| | | | | | | | | | Môn chung | Môn đồ án | Tổng | | Đồ án / Khóa luận | Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Thay thế BTTN 1 | Thay thế BTTN 2 | Thay thế BTTN 3 | |
| (01) | (02) | (03) | | (04) | (05) | (06) | (07) | (08) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 13 | DH71702206 | Dương Thừa | Thiên | D17_MAR04 | 5.30 | 105 | 39 | 23 | 9 | | 9 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 14 | DH71700722 | Vòng Thái | Toàn | D17_MAR04 | 4.73 | 83 | 33 | 46 | 16 | | 16 | Không đạt | | X | X | X | |
| 15 | DH71700436 | Trần Trung | Trí | D17_MAR04 | 4.77 | 92 | 34 | 36 | 14 | | 14 | Không đạt | | X | X | X | |
| **Khóa 2018** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71801015 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | D18_MAR01 | 6.19 | 126 | 46 | 2 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 2 | DH71800442 | Lê Chấn | Hào | D18_MAR01 | 3.85 | 64 | 23 | 64 | 25 | | 25 | Không đạt | | X | X | X | |
| 3 | DH71800042 | Võ Thanh | Huy | D18_MAR01 | 4.78 | 89 | 33 | 39 | 15 | | 15 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 4 | DH71802872 | Nguyễn Tuấn | Khải | D18_MAR01 | 4.63 | 82 | 31 | 46 | 17 | | 17 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 5 | DH71800583 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Lâm | D18_MAR01 | 5.98 | 113 | 43 | 17 | 6 | | 6 | Không đạt | | X | X | X | |
| 6 | DH71800300 | Nguyễn Tiến | Nguyên | D18_MAR01 | 5.52 | 100 | 38 | 28 | 10 | | 10 | Không đạt | | X | X | X | |
| 7 | DH71801359 | Đặng Duy | Phong | D18_MAR01 | 5.75 | 112 | 42 | 16 | 6 | | 6 | Không đạt | | X | X | X | |
| 8 | DH71800772 | Lại Thị Phương | Thảo | D18_MAR01 | 4.26 | 73 | 27 | 54 | 21 | | 21 | Đăng ký lại | | X | X | | |
| 9 | DH71802146 | Nguyễn Vũ Đức | Thịnh | D18_MAR01 | 5.71 | 86 | 33 | 44 | 16 | | 16 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 10 | DH71800716 | Vương Hà Minh | Trung | D18_MAR01 | 5.44 | 101 | 38 | 27 | 10 | | 10 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 11 | DH71800101 | Nguyễn Trần Thanh | Tùng | D18_MAR01 | 5.53 | 120 | 44 | 8 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 12 | DH71800313 | Võ Văn Thành | Đạt | D18_MAR02 | 5.63 | 114 | 42 | 14 | 6 | | 6 | Không đạt | | X | X | X | |
| 13 | DH71803128 | Phạm Thị Thanh | Ngân | D18_MAR02 | 5.85 | 122 | 46 | 6 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 14 | DH71800865 | Võ Hoàn | Nhung | D18_MAR02 | 4.79 | 78 | 29 | 50 | 19 | | 19 | Không đạt | | X | X | X | |
| 15 | DH71800370 | Phạm Nguyễn Đan | Thịnh | D18_MAR02 | 4.84 | 83 | 30 | 45 | 18 | | 18 | Không đạt | | X | X | X | |
| 16 | DH71802423 | Đặng Trí Thanh | Liêm | D18_MAR03 | 4.90 | 77 | 29 | 51 | 19 | | 19 | Không đạt | | X | X | X | |
| 17 | DH71800947 | Phan Lý Hồng | Phát | D18_MAR03 | 4.78 | 88 | 34 | 40 | 14 | | 14 | Đăng ký lại | | | X | | |
| 18 | DH71801084 | Dương Trần Anh | Thư | D18_MAR03 | 5.55 | 109 | 42 | 20 | 7 | | 7 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 19 | DH71801007 | Tô Thiện | Tín | D18_MAR03 | 3.52 | 55 | 21 | 73 | 27 | | 27 | Không đạt | | X | X | X | |

| STT | MSSV | Họ và tên | | Lớp | Điểm trung bình | Tích lũy (Đạt) | | Chưa tích lũy (Không đạt) | | | | Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số tín chỉ | Số môn học | Số tín chỉ | Số môn học | | | Kết quả | Hình thức | | | | |
| | | | | | | | | | Môn chung | Môn đồ án | Tổng | | Đồ án / Khóa luận | Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Thay thế BTTN 1 | Thay thế BTTN 2 | Thay thế BTTN 3 | |
| (01) | (02) | (03) | | (04) | (05) | (06) | (07) | (08) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 20 | DH71803855 | Quảng Trọng | Nguyễn | D18_MAR04 | 5.74 | 120 | 45 | 8 | 3 | | 3 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 21 | DH71805210 | Lê Minh | Nhàn | D18_MAR04 | 5.87 | 116 | 43 | 12 | 5 | | 5 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 22 | DH71806480 | Trương Huỳnh Anh | Tuấn | D18_MAR04 | 6.10 | 120 | 45 | 8 | 3 | | 3 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 23 | DH71804351 | Đàm Phúc Minh | Châu | D18_MAR05 | 6.38 | 128 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 24 | DH71804353 | Lê Hoàng Bảo | Châu | D18_MAR05 | 6.02 | 128 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 25 | DH71804468 | Nguyễn Thị Hồng | Đào | D18_MAR05 | 5.61 | 116 | 44 | 12 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | X | | X | |
| 26 | DH71805089 | Đoàn Thế | Mẫn | D18_MAR05 | 6.18 | 119 | 45 | 11 | 4 | | 4 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 27 | DH71805069 | Bùi Thị Tuyết | Mi | D18_MAR05 | 6.33 | 128 | 48 | 0 | 0 | | 0 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 28 | DH71806470 | Tất Ngọc | My | D18_MAR05 | 6.20 | 125 | 47 | 3 | 1 | | 1 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 29 | DH71805199 | Trương Trấn | Nguyên | D18_MAR05 | 5.99 | 126 | 47 | 2 | 1 | | 1 | Đạt | | X | X | X | |
| 30 | DH71805379 | Vũ Đặng | Phúc | D18_MAR05 | 6.05 | 122 | 46 | 6 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 31 | DH71805666 | Nguyễn Thị Ngọc | Thu | D18_MAR05 | 6.18 | 125 | 47 | 3 | 1 | | 1 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 32 | DH71805917 | Nguyễn Tấn Đan | Trường | D18_MAR05 | 4.42 | 68 | 26 | 60 | 22 | | 22 | Không đạt | | X | X | X | |
| **Chuyên ngành Quản trị Tài chính** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Khóa 2017** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71703269 | Thái Thị Mỹ | Duyên | D17_TC02 | 5.62 | 96 | 36 | 31 | 12 | | 12 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| **Khóa 2018** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | DH71800276 | Nguyễn Hoài | An | D18_TC01 | 5.54 | 107 | 40 | 19 | 8 | | 8 | Không đạt | | X | X | X | |
| 2 | DH71800137 | Lương Tịnh | Huê | D18_TC01 | 6.01 | 110 | 42 | 16 | 6 | | 6 | Không đạt | | X | X | X | |
| 3 | DH71800645 | Trương Huy | Khánh | D18_TC01 | 6.65 | 120 | 44 | 7 | 4 | | 4 | Đạt | | X | X | X | |
| 4 | DH71800274 | Nguyễn Trà | My | D18_TC01 | 5.68 | 118 | 44 | 9 | 4 | | 4 | Đạt | | X | X | X | |
| 5 | DH71801173 | Châu Thị Quang | Tuyền | D18_TC01 | 5.93 | 117 | 44 | 10 | 4 | | 4 | Không đạt | | X | X | X | |
| 6 | DH71801504 | Nguyễn Đức | Toàn | D18_TC02 | 4.65 | 71 | 27 | 55 | 21 | | 21 | Không đạt | | X | X | X | |

| STT | MSSV | Họ và tên | | Lớp | Điểm trung bình | Tích lũy (Đạt) | | Chưa tích lũy (Không đạt) | | | | Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Số tín chỉ | Số môn học | Số tín chỉ | Số môn học | | | Kết quả | Hình thức | | | | |
| | | | | | | | | | Môn chung | Môn đồ án | Tổng | | Đồ án / Khóa luận | Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Thay thế BTTN 1 | Thay thế BTTN 2 | Thay thế BTTN 3 | |
| (01) | (02) | (03) | | (04) | (05) | (06) | (07) | (08) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 7 | DH71800843 | Phan Thị Thùy | Trang | D18_TC02 | 5.69 | 121 | 46 | 6 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 8 | DH71800162 | Nguyễn Xuân Phi | Vân | D18_TC02 | 5.71 | 124 | 47 | 3 | 1 | | 1 | Đăng ký lại | | | | X | |
| 9 | DH71804712 | Nguyễn Quang | Hậu | D18_TC03 | 6.64 | 125 | 46 | 2 | 2 | | 2 | Đăng ký lại | | X | X | X | |
| 10 | DH71805902 | Đặng Nhật | Trường | D18_TC03 | 5.63 | 108 | 40 | 19 | 8 | | 8 | Không đạt | | X | X | X | |

Điều kiện xét :

Điều kiện 1: Cột (08) ≤ 9 (Áp dụng cho tất cả các khoa).

Điều kiện 2:

- Đối với khoa Điện - điện tử: Nếu chưa đạt 2 môn Đồ án môn học, sinh viên phải hoàn thành trước khi bảo vệ Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp.
- Đối với khoa Design: Cột (10) ≠ 0 Sinh viên phải đạt tất cả các môn Đồ án môn học.

Hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp :

**- Đối với sinh viên khoa Quản trị kinh doanh:**

Trường hợp: Cột (12) = "Đạt", "Đăng ký lại" hoặc "Không đạt" Sinh viên học 03 môn thay thế Bài thi tốt nghiệp.

**- Đối với sinh viên khoa Công nghệ thực phẩm:**

Trường hợp 1: Cột (12) = "Đạt" hoặc "Đăng ký lại" Sinh viên học 03 môn thay thế Bài thi tốt nghiệp.

Trường hợp 2: Cột (12) = "Không đạt" Sinh viên không được thực hiện Bài thi tốt nghiệp.

**- Đối với sinh viên các khoa còn lại:**

Trường hợp 1: Cột (12) = "Đạt" hoặc "Đăng ký lại" Sinh viên làm Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp.

Trường hợp 2: Cột (12) = "Không đạt" Sinh viên không được thực hiện Bài thi tốt nghiệp.

Ghi chú : Điểm trung bình được tính đến ngày 12/09/2022.

Người lập bảng

Phan Thị Thanh Tuyền

Tp. HCM, ngày 16 tháng 09 năm 2022
Trưởng Phòng Đào tạo

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

Tp. HCM, ngày 16 tháng 09 năm 2022
Hiệu trưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS. TS. Cao Hào Thi